

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vi Thị Ngọc Ánh;

Bà Vi Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Âu Thu Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Q (tên gọi khác: Dương Thu Q1), sinh năm 1985; địa chỉ: Khu L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Đ: Khu L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C; địa chỉ: Số A phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Minh T - chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Phòng C huyện C, tỉnh Lạng Sơn, khu T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (Theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Ngân hàng C). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Dương Thị Q trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 02/6/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khu L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn được hơn 05 năm, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Nguyễn Văn H không tu chí làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn H không thay đổi, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Từ năm 2021 mặc dù sống chung nhà nhưng hai vợ chồng sống ly thân, việc ai người ấy làm, không nói chuyện, hỏi thăm nhau gì. Cuối năm 2022 chị làm đơn ly hôn, sau đó đã rút đơn về để vợ chồng hàn gắn, cho anh Nguyễn Văn H cơ hội sửa chữa, tuy nhiên từ sau khi rút đơn tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không có gì thay đổi, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Cảm thấy cuộc sống vô cùng áp lực, không thể duy trì được tình trạng như này, do vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy H1, sinh ngày 17/01/2005, đã đủ 18 tuổi và cháu Nguyễn Thùy T1, sinh ngày 14/9/2006. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thùy T1 và không yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị đang buôn bán tự do tại khu vực thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn với mức thu nhập trung bình khoảng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, ngày 25/9/2018 vợ chồng chị có vay của Ngân hàng C, phòng giao dịch huyện C số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) theo chương trình cho vay sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 05/9/2023. Khi ly hôn, chị sẽ tự chịu trách nhiệm đối với khoản vay này, không yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải cùng có trách nhiệm. Đối với các tài sản chung khác, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Việc anh và chị Dương Thị Q tìm hiểu nhau đi đến kết hôn, đăng ký kết hôn và quá trình chung sống ban đầu của hai vợ chồng đúng như chị Dương Thị Q trình bày. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh chị về thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để làm ăn, sinh sống được khoảng 17 năm, đến cuối năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế trong khi làm ăn. Cùng thời điểm đó chị Q làm đơn ly hôn, sau đó rút đơn về, vợ chồng đoàn tụ vẫn sống

chung nhà nhưng do điều kiện công việc khác nhau nên hai vợ chồng cũng ít khi gặp nhau và nói chuyện nên tình trạng mâu thuẫn vẫn không có gì thay đổi. Nay chị Dương Thị Q tiếp tục làm đơn ly hôn, anh vẫn giữ nguyên ý kiến mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh đồng ý với yêu cầu của chị Dương Thị Q . Khi ly hôn, chị Dương Thị Q sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thùy T1 và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh đồng ý với ý kiến của chị Dương Thị Q về việc chị Dương Thị Q sẽ tự chịu trách nhiệm đối với khoản nợ 50.000.000 đồng hiện đang nợ Ngân hàng chính sách.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C trình bày: Ngày 25/9/2018 Ngân hàng C, phòng giao dịch huyện C có giải ngân cho vợ chồng chị Dương Thu Q1, anh Nguyễn Văn H vay số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) theo chương trình cho vay hộ sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay là 09%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 05/9/2023, mã vốn vay là 6600000713741618. Nay chị Dương Thị Q và anh Nguyễn Văn H ly hôn, chị Dương Thị Q tự nguyện chịu trách nhiệm với khoản vay này, không yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải cùng có trách nhiệm. Ngân hàng hoàn toàn nhất trí với ý kiến của các đương sự, không có yêu cầu gì thêm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 5, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 37, 58, 60, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Q, cho chị Dương Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thùy T1, sinh ngày 14/9/2006 cho chị Dương Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung: Chị Dương Thị Q t chịu trách nhiệm trả 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng C. Đối với các tài sản chung khác, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị Dương Thị Q cung cấp gồm có: Đơn khởi kiện; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; Giấy chứng nhận kết hôn; giấy tờ tùy thân của 02 vợ chồng; Giấy khai sinh của các con chung; Sổ vay vốn tại Ngân hàng C; bản tự khai; đơn xin xác nhận.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H cung cấp cho Tòa án bản tự khai của anh Nguyễn Văn H.

Tài liệu do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội cung cấp gồm toàn bộ hồ sơ vay vốn của chị Dương Thu Q1 tại Ngân hàng B sổ vay vốn; giấy ủy quyền; giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay; Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án ngày 19/9/20019; Bản tự khai; Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 02/8/2023.

Tài liệu do Tòa án thu thập gồm có: Biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Thùy T1 và biên bản xác minh tại khu L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật tuy nhiên bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được vụ án, Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C đã được Tòa án triệu tập nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. **Căn cứ vào khoản 1 Điều 227** của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Dương Thị Q khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, quá trình giải quyết bị đơn anh Nguyễn Văn H có yêu cầu giải quyết tài sản chung đối với nghĩa vụ trả nợ chung. Bị đơn anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú và hiện vẫn đang cư trú tại khu L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, do vậy Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng thụ lý,

giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Q và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 02/6/2005 nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh chị không có tiếng nói chung trong việc xây dựng kinh tế gia đình. Việc mâu thuẫn này, cả hai anh chị đều thừa nhận, mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng ít khi gặp nhau và nói chuyện, không còn quan tâm đến nhau, vào năm 2022 chị Dương Thị Q đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án, sau khi đoàn tụ, vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị Q và anh H đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị Q đưa ra là có căn cứ, cần được chấp nhận. Anh Nguyễn Văn H yêu cầu đoàn tụ tuy nhiên quá trình Tòa án triệu tập đến hòa giải, giải quyết vụ án anh H đều vắng mặt, không đưa ra được phương án cũng như biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng do vậy yêu cầu của anh là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy H1, sinh ngày 17/01/2005 đã đủ 18 tuổi và Nguyễn Thùy T1, sinh ngày 14/9/2006. Hội đồng xét xử thấy giao cháu Nguyễn Thùy T1 cho chị Dương Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn phù hợp với ý kiến của các đương sự cũng như nguyện vọng của cháu T1.

[5] Về tài sản chung: Chị Dương Thị Q, anh Nguyễn Văn H và Ngân hàng C đều có ý kiến chị Dương Thị Q chịu trách nhiệm đối với khoản vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tại Ngân hàng C, phòng giao dịch huyện C theo chương trình cho vay hộ sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn, không yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải cùng có trách nhiệm trả nợ. Việc thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với các tài sản chung khác vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị Q phải chịu phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại **điểm a khoản 5 Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp về nội dung của vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 266, 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 60, các Điều 37, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Q (tên gọi khác: Dương Thu Q1) về việc chị Dương Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thùy T1, sinh ngày 14/9/2006 cho chị Dương Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Dương Thị Q có trách nhiệm trả 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng C đối với khoản vay theo chương trình cho vay Hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, mã món vay số 6600000713741618 đến ngày 05/9/2023 là thời hạn trả nợ cuối cùng. Anh Nguyễn Văn H không phải chịu trách nhiệm đối với khoản nợ nêu trên.

Đối với các tài sản chung khác, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Dương Thị Q đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0003296 ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Dương Thị Q có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Văn H và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn
- VKSND huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHA DS huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;
- UBND TT C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Thị Hương Giang